

Số: 224 /BC-GS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2021

## BÁO CÁO

Tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý III/2021  
và kế hoạch, giải pháp thực hiện quý IV năm 2021

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý III/2021 và Kế hoạch, giải pháp thực hiện quý IV/2021 với các nội dung chủ yếu sau đây:

### I. Công tác triển khai phòng, chống dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 xuất hiện đã và đang tiếp tục tác động, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội và đời sống nói chung và hoạt động của Công ty nói riêng. Dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp và kéo dài ảnh hưởng lớn đến đời sống CBCNV-NLĐ và nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở thực hiện nghiêm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, các cấp lãnh đạo và chính quyền địa phương nhằm bảo vệ sức khỏe, tính mạng của người lao động là trên hết. Công ty đã tổ chức lãnh đạo, triển khai nhiều phương án, giải pháp linh hoạt, phù hợp nhằm đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì tương thích với diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh tại từng thời điểm.

- Chủ động phòng, chống dịch với phương châm "phòng ngừa tích cực", tuân thủ tuyệt đối quy tắc 5K của Bộ Y tế khi làm việc nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động.

- Thực hiện việc bố trí lao động ở các phòng ban, đơn vị nghỉ phép, nghỉ luân phiên, làm việc trực tuyến tại nhà và bố trí sản xuất theo phương châm "3 tại chỗ" đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không bị gián đoạn.

- Công ty đáp ứng tốt các yêu cầu về hoạt động sản xuất theo Bộ chỉ số đánh giá tính rủi ro lây nhiễm SARS-CoV-2 tại doanh nghiệp trên địa bàn Tp.HCM của Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid-19 Tp.HCM. Công ty có chỉ số điểm ở mức rất ít rủi ro nên hoạt động sản xuất được duy trì, vừa sản xuất vừa phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Trong thời gian từ ngày 15/7 đến ngày 01/10/2021 Công ty thực hiện sản xuất theo phương án "3 tại chỗ" đảm bảo an toàn, không có trường hợp nào bị nhiễm bệnh Covid-19 tại nơi làm việc.



- Tổng số lao động bị nhiễm Covid-19 là 14 người (tất cả các ca nhiễm đều ở tại nơi cư trú, không thực hiện “3 tại chỗ”), hiện nay các ca nhiễm đều khỏi bệnh, hết thời gian cách ly, chỉ còn 01 ca cách ly vào ngày 24/9/2021.

- Đến thời điểm hiện tại toàn bộ CBCNV-NLĐ công ty đã tiêm vắc xin phòng Covid-19, với 115 người đã đủ 2 mũi, 07 người tiêm 1 mũi.

## II. Tình hình sản xuất kinh doanh quý III năm 2021

### 1. Đặc điểm tình hình

Trong thời gian qua, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp, bùng phát mạnh ở nhiều nước, khu vực, tác động sâu rộng đến tình hình kinh tế - xã hội trên toàn cầu. Ở nước ta, dịch bệnh cũng tác động mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thể dục thể thao, các giải thi đấu đều bị tạm hoãn, hủy bỏ không tổ chức và đặc biệt là việc đóng cửa các trung tâm thể dục thể thao, nhà thi đấu, sân vận động...

Với những tác động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn: thị trường nội địa hầu như bị đóng băng, đơn hàng giảm sút, lao động ngừng việc nhiều, thiếu ổn định.

Trước tình hình đó, Công ty đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, giữ khách hàng xuất khẩu, duy trì việc làm, ổn định đời sống cho người lao động và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.

### 2. Công tác sản xuất

Để đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, an toàn sức khỏe cho người lao động, duy trì hoạt động sản xuất không bị gián đoạn, đảm bảo tiến độ các đơn hàng đã ký kết với khách hàng, Công ty thực hiện phương án sản xuất “3 tại chỗ”.

Việc tổ chức thực hiện giãn cách đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, thiếu hụt lao động nên phải sắp xếp lại các công đoạn trong sản xuất, điều tiết lao động giữa bộ phận cho phù hợp với tình hình nhằm đảm bảo hệ thống sản xuất hoạt động được.

#### \* Kết quả sản xuất:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý III/2020	9 tháng đầu 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				KH năm	Thực hiện Quý III	Lũy kế 9 tháng	TH/KH 2021	9 tháng 2021/2020
- Bóng cao su	Quả	140.436	451.320	790.000	192.672	607.268	76,87%	134,55%
- Bóng khâu	"	10.105	33.954	50.000	4.400	24.929	49,86%	73,42%
- Bóng dán	"	18.717	73.150	110.000	9.468	64.538	58,67%	88,23%
<b>Tổng cộng</b>	<b>Quả</b>	<b>169.258</b>	<b>558.424</b>	<b>950.000</b>	<b>206.540</b>	<b>696.735</b>	<b>73,34%</b>	<b>124,77%</b>



### 3. Công tác kinh doanh

- *Thị trường nội địa:* Các giải thi đấu, sự kiện thể dục thể thao hầu như bị tạm hoãn hoặc hủy bỏ. Các sân chơi, tập luyện hầu hết đóng cửa trên phạm vi cả nước để phòng chống dịch bệnh nên các sản phẩm bóng thi đấu và tập luyện hầu như bị đóng băng không tiêu thụ được. Để giải quyết các khó khăn trong việc tiêu thụ nội địa, công ty phối hợp với các nhãn hàng làm sản phẩm bóng quảng cáo góp phần đảm bảo kế hoạch tiêu thụ.

- *Thị trường xuất khẩu:* Được củng cố và dần ổn định, sản phẩm xuất khẩu của công ty chủ yếu là các chủng loại Bóng Cao su (chiếm 48% tổng sản lượng tiêu thụ và 54% sản lượng bóng cao su). Xuất khẩu chủ yếu vào các nước: Mỹ, Nam Phi, UAE, Nhật... (Thị trường Mỹ chiếm 69% sản lượng và doanh thu xuất khẩu).

#### \* Sản lượng tiêu thụ và doanh thu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý III/2020	9 tháng đầu 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện Quý III	Lũy kế 9 tháng	TH/KH 2021	9 tháng 2021/2020
<b>I. S/lượng tiêu thụ</b>	<b>Quả</b>	<b>203.127</b>	<b>546.419</b>	<b>950.000</b>	<b>184.690</b>	<b>681.842</b>	<b>71,77%</b>	<b>124,78%</b>
- Bóng Nội địa	"	134.421	328.719	556.000	72.924	354.782	63,81%	107,93%
- Bóng Xuất khẩu	"	68.706	217.700	394.000	111.766	327.060	83,01%	150,23%
<b>II. Doanh thu</b>	<b>Trđ</b>	<b>14.371</b>	<b>39.392</b>	<b>71.126</b>	<b>9.965</b>	<b>55.559</b>	<b>78,11%</b>	<b>141,04%</b>
- Doanh thu Bóng	"	14.182	38.754	67.126	9.942	41.276	61,49%	106,51%
+ <i>Bóng Xuất khẩu</i>	"	3.378	10.511	20.036	5.237	15.402	76,87%	146,53%
+ <i>Bóng Nội địa</i>	"	10.804	28.243	47.090	4.705	25.874	54,95%	91,61%
- Doanh thu cao su	"	33	71	3.500	-	13.855	395,86%	-
- Doanh thu khác	"	156	567	500	23	428	85,60%	75,49%

### 4. Công tác đầu tư XDCB

Trong quý III/2021 và 9 tháng đầu năm 2021 công ty không có đầu tư xây dựng cơ bản, chủ yếu sửa chữa nhỏ máy móc thiết bị và mua sắm các công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất kinh doanh.

### 5. Công tác tài chính, kế toán

\* *Các khoản phải thu ngắn hạn:* 19.052.140.395 đồng. (Trong đó: phải thu khách hàng: 13.906.906.032 đồng)

\* *Hàng tồn kho:* 12.413.194.494 đồng, bằng 93,94% so với đầu năm. Trong đó:

+ Nguyên vật liệu: 4.117.252.529 đồng, bằng 91,30% so với đầu năm (giảm 392.129.628 đồng).

+ Công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển: 604.777.061 đồng, bằng 83,67% so với đầu năm (giảm 118.009.555 đồng).

+ Chi phí sản xuất dở dang: 2.329.565.214 đồng, bằng 66,08% so với đầu năm (giảm 1.195.783.796 đồng).



+ Thành phẩm: 4.796.213.893 đồng, bằng 126,89% so với đầu năm (tăng 1.016.354.458 đồng).

+ Hàng hóa: 82.476.360 đồng, bằng 26,98% so với đầu năm (giảm 223.187.731 đồng).

+ Hàng gửi bán: 482.909.438 đồng, bằng 130,24% so với đầu năm (tăng 112.114.099 đồng).

\* *Hiệu quả sản xuất kinh doanh:*

- Lợi nhuận quý 3/2021: - 435.505.378 đồng.

- Lợi nhuận lũy kế 9 tháng đầu năm 2021: 27.319.063 đồng, đạt 2,61% kế hoạch năm.

## **6. Công tác lao động, tiền lương, thu nhập**

### *6.1 Về lao động, tiền lương:*

- Tổng số lao động có mặt đến ngày 30/9/2021: 136 người, giảm 06 người so với năm 2020.

- Tổng số lao động bình quân: 128 người, giảm 20 người so với năm 2020.

Trong đó:

+ *Người quản lý:* 05 người

+ *Lao động gián tiếp:* 20 người, giảm 05 người so với năm 2020

+ *Lao động trực tiếp SXKD:* 103 người, giảm 15 người so với năm 2020

- Tiền lương bình quân CBCNV: 8.085.000 đồng/người/tháng, bằng 120% so với năm 2020.

- Thu nhập bình quân CBCNV: 8.831.000 đồng/người/tháng, bằng 113% so với năm 2020.

### *6.2. Về chế độ chính sách người lao động*

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn người lao động với một suất ăn 20.000 đồng/người/ca. Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật và các chế độ chính sách khác cho người lao động đúng theo quy định.

## **7. Những nguyên nhân và tồn tại, hạn chế**

- Lực lượng lao động thiếu hụt do một số lao động không thể thực hiện “3 tại chỗ” do nằm trong khu vực phong tỏa, đang bị cách ly, sống trong vùng có dịch.. nên có thời điểm không đáp ứng được nhu cầu đơn hàng cho khách.

- Sản lượng sản xuất thấp, không đạt kế hoạch đề ra. Chi phí tăng cao, bao gồm cả chi phí phục vụ sản xuất và chi phí phòng chống dịch bệnh nên hiệu quả sản xuất thấp.

- Thị trường nội địa tiêu thụ tiêu gặp khó khăn trong thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh, doanh chỉ đạt 41% KH quý III.

### III/ Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH(%)
1	Doanh thu bán hàng và CCDV	71.126.000.000	55.559.617.397	78,11
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.700.054.500	1.716.852.585	36,53
3	Doanh thu thuần bán hàng & CCDV	66.425.945.500	53.842.764.812	81,06
4	Giá vốn hàng bán	48.708.324.081	44.231.777.913	90,81
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và CCDV	17.717.621.419	9.610.986.899	54,25
6	Doanh thu hoạt động tài chính	0	2.415.440	
7	Chi phí tài chính	1.200.000.000	589.886.518	49,16
8	Chi phí bán hàng	6.616.621.419	3.035.509.805	45,88
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.856.000.000	5.756.388.325	65,00
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	1.045.000.000	231.617.691	22,16
11	Thu nhập khác	0	0	-
12	Chi phí khác	0	204.298.628	-
13	Lợi nhuận khác	0	-204.298.628	-
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.045.000.000	27.319.063	2,61
15	Chi phí Thuế TNDN hiện hành	209.000.000		-
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	836.000.000	27.319.063	3,27

### IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV/2021

#### 1. Các chỉ tiêu chủ yếu

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021				(%) KH/UTH
			KH năm	TH 9 tháng	KH quý 4	Lũy kế UTH	
<b>1</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Quả</b>	<b>950.000</b>	<b>696.735</b>	<b>224.500</b>	<b>921.235</b>	<b>96,97</b>
a	Bóng cao su	"	790.000	607.268	190.000	797.268	100,92
b	Bóng dán	"	110.000	64.538	24.000	88.538	80,49
c	Bóng khâu	"	50.000	24.929	10.500	35.429	70,86
<b>2</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>"</b>	<b>950.000</b>	<b>681.842</b>	<b>239.000</b>	<b>920.842</b>	<b>96,93</b>
a	Xuất khẩu	"	394.000	327.060	118.000	445.060	112,96
b	Nội địa	"	556.000	354.782	121.000	475.782	85,57
<b>3</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>71.126</b>	<b>55.559</b>	<b>17.700</b>	<b>73.259</b>	<b>103,00</b>
3.1	Doanh thu Bóng	"	67.126	41.276	17.600	58.876	87,71
a	Bóng Xuất khẩu	"	20.036	15.402	6.100	21.502	107,32
b	Bóng Nội địa	"	47.090	25.874	11.500	37.374	79,37
3.2	Doanh thu cao su	"	3.500	13.855	0	13.855	395,86
3.3	Doanh thu khác	"	500	428	100	528	105,60
<b>4</b>	<b>L/nhuận trước thuế</b>	<b>"</b>	<b>1.045</b>	<b>27</b>	<b>820</b>	<b>847</b>	<b>81,05</b>





## 2. Các giải pháp thực hiện

### 2.1/ Công tác sản xuất

- Duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015; giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy trình các công đoạn sản xuất. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Tổ chức sản xuất hợp lý, đảm bảo tiến độ kịp thời các đơn hàng.

- Thực hiện tốt việc tiết kiệm, chống lãng phí trong từng bộ phận và từng người lao động trên các lĩnh vực nhằm kiểm soát tốt giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kỹ thuật để giảm thời gian lưu hóa bóng cao su, cải tiến kỹ thuật công nghệ bóng xốp nhằm giảm tỷ lệ bóng phế phẩm.

- Hoàn thiện kỹ thuật và triển khai sản xuất bóng Boccia mẫu mới theo nhu cầu khách hàng.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp để tỷ lệ hư hỏng bóng cao su dưới 1,5%; ruột bóng hủy dưới 1,3%.

### 2.2/ Công tác kinh doanh

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm khách hàng thông qua các kênh bán hàng, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch tiêu thụ sản phẩm.

- Làm tốt công tác thị trường, phát triển sản phẩm mới, đa dạng mẫu mã sản phẩm, nâng cao thương hiệu sản phẩm công ty.

- Tiếp tục củng cố bộ phận bán hàng, chăm sóc khách hàng. Xây dựng kế hoạch bán hàng năm 2022.

### 2.3/ Công tác khác

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại các bộ phận quản lý và người lao động cho hiệu quả.

- Tích cực công tác phòng chống dịch Covid-19 vừa đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động, vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trình Tập đoàn thỏa thuận.

Trên đây là các nội dung cơ bản về tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý III/2021 và phương hướng nhiệm vụ thực hiện trong Quý IV/2021. Kính trình Hội đồng quản trị Công ty.

#### Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Kiểm soát Cty
- Lưu: VT





Số: 07/GERU-BKS 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
CTY CP THỂ THAO NGÔI SAO GERU QUÝ III NĂM 2021**

Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công ty

Ban Kiểm soát xin báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru; hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc Công ty CP Thể thao Ngôi sao Geru quý III năm 2021 như sau:

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Quý III năm 2021, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có các hoạt động sau:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, ban hành Điều lệ sửa đổi của công ty, Ban hành quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, ban hành Bảng phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện sản xuất kinh doanh trong điều kiện giãn cách xã hội (làm việc 3T) nhằm không đứt gãy chuỗi sản xuất kinh doanh và trả các đơn hàng xuất khẩu đã ký với các khách hàng nước ngoài.
- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch covid-19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Thông qua kế hoạch sản lượng năm 2022 để thỏa thuận với Tập đoàn công nghiệp cao su.

**II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty**

**1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý III năm 2021**

**a. Sản lượng**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý III/2020	Lũy kế 9 tháng	Kế hoạch 2021	Quý III/2021	Lũy kế 9 tháng	So sánh	
							2021/2020	Lũy kế/Kế hoạch
<b>I Sản lượng sản xuất</b>		<b>169.258</b>	<b>558.424</b>	<b>950.000</b>	<b>206.540</b>	<b>696.735</b>	<b>122,03%</b>	<b>73,34%</b>
Bóng cao su	Quả	140.436	451.320	790.000	192.672	607.268	137,20%	76,87%
Bóng khâu	"	10.105	33.954	50.000	4.400	24.929	43,54%	49,86%
Bóng dán	"	18.717	73.150	110.000	9.468	64.538	50,59%	58,67%
<b>II.1 Sản lượng tiêu thụ</b>	Quả	<b>203.127</b>	<b>546.419</b>	<b>950.000</b>	<b>180.690</b>	<b>681.842</b>	<b>88,95%</b>	<b>71,77%</b>
Bóng cao su	"	174.023	447.586	790.000	166.217	598.746	95,51%	75,79%
Bóng khâu	"	8.345	36.769	50.000	3.872	25.026	46,40%	50,05%
Bóng dán	"	20.759	62.064	110.000	10.601	58.070	51,07%	52,79%
<b>II.1 Sản lượng tiêu thụ (HH khác)</b>								
Túi	Cái	96	1.016	1.000		888	0,00%	88,80%
Cao su	Tấn	0,35	1,06	100		322,56	0,00%	322,56%



**b. Kết quả kinh doanh**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Quý 3/2020	Lũy kế 2020	Kế hoạch 2021	Quý 3/2021	Lũy kế 2021	So sánh	
							2021/2020	Lũy kế/Kế hoạch
<b>1. Doanh thu thuần</b>		<b>13.652.929</b>	<b>36.845.906</b>	<b>66.416.946</b>	<b>9.880.486</b>	<b>53.845.180</b>	<b>72,37%</b>	<b>81,07%</b>
Doanh thu bán hàng	1.000	14.370.166	39.391.566	71.126.000	9.965.586	55.559.617	69,35%	78,11%
Doanh thu tài chính	"	172	957	-	403	2.415	234,30%	
Các khoản giảm trừ	"	(717.409)	(2.546.617)	(4.709.054)	(85.503)	(1.716.852)	11,92%	36,46%
<b>2. Tổng chi phí</b>	<b>1.000</b>	<b>13.668.696</b>	<b>36.807.351</b>	<b>65.371.946</b>	<b>10.315.993</b>	<b>53.817.861</b>	<b>75,47%</b>	<b>82,33%</b>
Giá vốn	"	10.145.118	27.468.649	48.700.946	7.947.406	44.231.778	78,34%	90,82%
Chi phí tài chính	"	194.913	619.991	1.200.000	171.999	589.887	88,24%	49,16%
Chi phí bán hàng	"	1.259.736	3.066.107	6.615.000	661.130	3.035.510	52,48%	65,00%
Chi phí QLDN	"	2.068.929	5.652.604	8.856.000	1.467.359	5.756.388	70,92%	
Chi phí khác	"				68.099	204.298		
<b>3. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(15.767)</b>	<b>38.555</b>	<b>1.045.000</b>	<b>(435.507)</b>	<b>27.319</b>		<b>2,61%</b>

**Nhận xét chung:**

a. Sản lượng:

\* Sản lượng sản xuất quý 3/2021 đạt 21,74% kế hoạch năm bằng 134,55% so với cùng kỳ năm 2020.

- Do quý 3/2021, TPHCM giãn cách xã hội theo quy định phòng chống dịch Covid-19, Công ty tổ chức sản xuất 3 tại chỗ nên chủ yếu sản xuất sản phẩm bóng cao su để trả các đơn hàng xuất khẩu nên sản lượng sản xuất của bóng cao su đạt 24,39% kế hoạch năm, bằng 134,55% so với cùng kỳ quý 3/2020. Các sản phẩm khác không đạt kết hoạch và giảm so với cùng kỳ quý 3/2020.

\* Sản lượng hư xì ruột quý 3 là: 3,93% giảm hơn so với quý 2 là 4,14%, nhưng vì quý 3 công ty làm việc 3T nên chưa sắp xếp được lao động và ruột thì tỷ lệ hư xì trong quá trình sản xuất nên ngày 01/10 Công ty đã bố trí công nhân vá ruột thì tỷ lệ hư xì trong quá trình sản xuất nên BKS sẽ phân tích tỷ lệ hư xì trong quý 4/2021 và tổng kết năm.)

\* Sản lượng tiêu thụ quý 3/2021 đạt 19,44% kế hoạch năm bằng 88,95% so với cùng kỳ năm 2020. Sản lượng tiêu thụ quý 3/2021 giảm là do từ trung tuần tháng 7 đến 30/9/2021 Tp. HCM và các tỉnh Nam bộ giãn cách xã hội, các giải thi đấu, sự kiện thể dục thể thao bị tạm hoãn hoặc hủy bỏ, các sân chơi, tập luyện đều đóng cửa trên phạm vi cả nước nên thị trường nội địa giảm.

- Sản phẩm chủ lực của công ty là bóng cao su bằng 21,10% kế hoạch năm và bằng 95,51% so với cùng kỳ 2021, các sản phẩm còn lại chưa đạt kế hoạch quý và giảm hơn so với cùng kỳ 2021.

**b. Kết quả kinh doanh**

\* Doanh thu thuần quý 3/2021 là: **9,88 tỷ đồng** đạt 14,86% kế hoạch năm và bằng 72,37% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

- Doanh thu thuần bóng các loại: 9,88 tỷ (trong đó: xuất khẩu: 5,237 tỷ đồng)
- Doanh thu khác (mặt bằng, hàng hóa khác): 22,7 triệu đồng
- Doanh thu tài chính: 0,4 triệu đồng

Quý 3/2021 do dịch bệnh nên chủ yếu tăng doanh thu xuất khẩu nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm do tỉ suất lợi nhuận/doanh thu của xuất khẩu thấp, ngoài ra tỉ



lệ sản xuất thấp nên chi phí sản xuất bình quân/sản phẩm tăng nên quý 3 không đạt kế hoạch lợi nhuận.

\* Lợi nhuận quý 3/2021 là: lỗ 435 triệu đồng, các nguyên nhân ảnh hưởng đến lợi nhuận như sau:

+ Tỷ suất Giá vốn /Doanh thu sản phẩm bóng trong kỳ đạt 80,43% cho thấy giá vốn trong kỳ cao hơn kế hoạch 66,65%.

Các chi phí ảnh hưởng đến lợi nhuận như sau:

+ Chi phí bán hàng:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Quý 3 Năm 2021	Quý 3 Năm 2020	So sánh (%)	
				Quý 3-2021/2020	TH/KH
Chi phí nhân viên	1.419,603	205,178	217,629	94,28%	14,45%
Vật liệu bao bì	2.291,353	118,959	95,409	124,68%	5,19%
Dụng cụ, đồ dùng	50,000				0,00%
Chi phí quảng cáo, hoa hồng	1.450,000	100,200	397,640	25,20%	6,91%
Chi phí bằng tiền	804,044	135,726	231,406	58,65%	16,88%
Chi phí vận chuyển	600,000	101,064	317,652	31,82%	16,84%
<b>Cộng</b>	<b>6.615,000</b>	<b>661,127</b>	<b>1.259,736</b>	<b>52,48%</b>	<b>9,99%</b>

Tổng chi phí bán hàng quý 3: 661 triệu đồng, giảm 47,52% cùng kỳ, bằng 9,99% so với kế hoạch năm, trong đó chi phí hoa hồng, môi giới giảm hơn so với 2020 vì quý 3 giảm doanh thu nội địa nên không phát sinh chi phí. Chi phí bằng tiền, chi phí khác giảm so với cùng kỳ vì quý 3 không thực hiện các khoản chi phí thuế GTGT của hàng quảng cáo trong kỳ.

Từ các khoản mục chi phí cho thấy tất cả các chi phí đều giảm so với cùng kỳ.

+ Chi phí quản lý:

Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2021		Năm 2020		So sánh (%)	
		Quý 3	Quý 3	Quý 3	Quý 3	Quý 3-2021/2020	TH/KH
Chi phí nhân công	5.095,492	1.059,391	1.112,722			95,21%	20,79%
Dụng cụ, đồ dùng	265,000	3,100	60,279			5,14%	1,17%
Khấu hao TSCĐ	420,000	73,681	81,735			90,15%	17,54%
Thuế, phí	675,000	156,000	156,000			100,00%	23,11%
Chi phí dự phòng							
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.400,508	175,187	658,193			26,62%	7,30%
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.856,000</b>	<b>1.467,359</b>	<b>2.068,929</b>			<b>70,92%</b>	<b>16,57%</b>

Tổng chi phí QL trong quý 3: 1,467 tỷ bằng 70,92% so với cùng kỳ 2020, trong đó các khoản mục giảm hơn so với cùng kỳ 2020

+ Chi phí tài chính:



Khoản mục chi phí	Kế hoạch	Năm 2021	Năm 2020	So sánh (%)	
		Quý 3	Quý 3	Quý 3-2021/2020	TH/KH
Lãi vay	1.200,000	171,999	194,913	88%	14%
Chênh lệch tỷ giá					
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.200,000</b>	<b>171,999</b>	<b>194,913</b>	<b>88%</b>	<b>14%</b>

Tổng chi phí tài chính quý 3/2021: 171,999 triệu đồng giảm 13% so với cùng kỳ 2020. Khoản chi phí lãi vay giảm do nợ vay trong kỳ giảm hơn so với năm 2020.

+ Chi phí khác:

Trong quý 3/2021, chi phí khác phân bổ từ nộp thuế đầu năm.

c. Quản lý công nợ, các khoản phải thu

c.1 *Nợ phải thu:*

- Tổng số dư nợ tại 30/9/2021: **13.906.906.032 đồng.**

Phân theo tuổi nợ công nợ

Từ 1-6 tháng : 73 khách hàng – công nợ: 8.211.507.278 đồng  
 Từ 1 năm – 2 năm: 1 khách hàng – công nợ: 3.089.962 đồng  
 Từ 3 năm trở lên: 11 khách hàng – công nợ: 5.692.308.792 đồng

Phân theo địa lý

+ Chi nhánh Hà nội: 756.861.336 đồng  
 + Xuất khẩu : 8.913.264.156 đồng, tương đương 388.569,39USD ( trong đó quá hạn: 4.947.949.367 đồng, tương đương 215.034,74USD)  
 + Nội địa (tại TPHCM): 3.600.817.123 đồng  
 + Khó đòi (đã lập dự phòng): 635.963.417 đồng

Nhận xét: Nợ phải thu tại thời điểm 30/9/2021 tăng hơn so với thời điểm 30/6/2021 do công nợ trong quý 3 trong thời kỳ giãn cách và khách hàng xuất khẩu chưa đến hạn thanh toán tăng, các khách hàng sẽ thanh toán theo hợp đồng trong quý 4/2021.

c.2 *Phải thu khác:*

- Tổng số dư nợ: **4.193.190.220 đồng**

Trong đó lưu ý 2 khoản:

+ Phải thu lương: 3.389.726.063 đồng  
 + Phải thu ông Nguyễn Huỳnh Phương: 416.101.493 đồng.

Đề nghị công ty tiếp tục có biện pháp làm việc với ông Phương nhằm thu hồi khoản công nợ.

c.3 *Tạm ứng phục vụ sản xuất kinh doanh:*

Đề nghị Ban điều hành nhắc nhở các đơn vị thực hiện đúng quy chế quản lý tài chính và quy chế quản lý công nợ đã được công ty ban hành.

d. Về hàng tồn kho:



CHUNG LOẠI	GIÁ TRỊ HÀNG TỒN KHO			CHÊNH LỆCH	
	31-12-20	30-06-21	30-09-21	% quý3/đầu năm	GIÁ TRỊ
NGUYÊN VẬT LIỆU	4.509.382.157	5.611.105.186	4.117.252.529	-8,70%	(392.129.628)
CÔNG CỤ DỤNG CỤ	722.786.616	815.527.762	604.777.061	-16,33%	(118.009.555)
CHI PHÍ DỄ DANG	3.525.349.010	3.743.196.231	2.329.565.214	-33,92%	(1.195.783.796)
THÀNH PHẨM	3.779.859.435	4.006.040.779	4.796.213.893	26,89%	1.016.354.458
HÀNG HÓA	305.664.091	114.098.383	82.476.360	-73,02%	(223.187.731)
HÀNG GỬI BÁN	370.795.339	367.075.265	482.909.438	30,24%	112.114.099
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.213.836.648</b>	<b>14.657.043.606</b>	<b>12.413.194.495</b>	<b>-6,06%</b>	<b>(800.642.153)</b>

Tổng mức tồn kho cuối quý 3 là 12,413 tỷ, giảm 6,06% so với đầu năm, tương đương giảm 800,642 triệu đồng. Tồn kho quý 3 giảm do trong quý giãn cách nên công ty chỉ mua nguyên vật liệu, vật tư đủ dùng trong sản xuất, chỉ đủ lượng tồn kho sản xuất 3 tại chỗ.

e. Giá thành công ty

+ Đối với sản phẩm cao su tăng hơn kế hoạch 11,19% do các chi phí 3 tại chỗ làm tăng giá thành trong kỳ.

f. Công tác đầu tư XD CB : trong kỳ không thực hiện đầu tư cũng như chưa thực hiện kết luận do Tập đoàn cao su Việt nam kết luận.

g/ Về tình hình tiền lương, các chế độ cho người lao động:

- Công ty đã thực hiện tiền lương quý 3 năm 2021: Tổng quỹ lương đã chi: 2,464 tỷ đồng, trong đó:

+ Lương quản lý : 315,12 triệu đồng (5 người); Lương bình quân: 21 triệu đồng/người/tháng

+ Lương người lao động: 2,149 tỷ đồng (85 người); Lương bình quân: 8,394 triệu đồng/người/tháng.

=> Trong quý 3/2021, quỹ tiền lương trả cho người lao động giảm hơn quý 2/2021 nhưng lương bình quân tăng do lao động làm việc 3T (một lao động làm nhiều công đoạn trong sản xuất)

2. Tình hình sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm:

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	9 tháng đầu năm	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)		(5)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	55.559.617.397	71.126.000.000
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1.716.852.585	4.709.054.500
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV		53.842.764.812	66.416.945.500
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	44.231.777.913	48.699.324.081
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV		9.610.986.899	17.717.621.419
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	2.415.440	0
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	589.886.518	1.200.000.000
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		585.560.228	1.200.000.000



25.	8. Chi phí bán hàng	VI.06	3.035.509.805	6.616.621.419
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	5.756.388.325	8.856.000.000
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>231.617.691</b>	<b>1.045.000.000</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.08		0
32	12. Chi phí khác		204.298.628	0
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>-204.298.628</b>	<b>0</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>27.319.063</b>	<b>1.045.000.000</b>
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09		209.000.000
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			0
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>27.319.063</b>	<b>836.000.000</b>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	12	380
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			0

\* Các chỉ số tài chính:

Chỉ tiêu	9 tháng 2020	Kế hoạch	Thực hiện	%2021/2020	%TH/KH
Tổng tài sản	42.492	39.519	40.108	94,39%	101,49%
Tài sản ngắn hạn	37.139	32.005	33.358	89,82%	104,23%
Tài sản dài hạn	5.353	7.513	6.749	126,08%	89,83%
Vốn chủ sở hữu	24.333	24.705	24.321	99,95%	98,45%
Nợ ngắn hạn	18.159	14.813	15.786	86,93%	106,57%
Doanh thu thuần và thu nhập khác	36.884	66.417	53.842	145,98%	81,07%
Lợi nhuận sau thuế	35	836	27	77,14%	3,23%
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	2,05	2,16	2,11	103,32%	97,80%
Hệ số bảo toàn vốn	1	1	1	100,00%	100,00%
Tỷ suất LN/Vốn CSH (ROA)	0,14%	3,38%	0,11%	77,18%	3,28%
Tỷ suất LN/Tổng tài sản (ROE)	0,08%	2,12%	0,07%	81,73%	3,18%

Tổng tài sản 2021 bằng 101,49% so với đầu năm 2021 chủ yếu tăng do tăng 23,53% tài sản ngắn hạn với số tuyệt đối 3,628 tỷ. Và giảm 10,16% tài sản dài hạn với số tuyệt đối giảm 763 triệu đồng.

.Từ đây số liệu cho thấy, tài sản cố định của công ty giảm do tăng mức khấu hao nhưng công ty không đầu tư tài sản cố định mới.



. Các khoản phải thu tăng do trong quý 3 tăng hơn kế hoạch và công nợ của khách hàng nước ngoài lâu năm vẫn chưa thanh toán; hàng tồn kho giảm.

Hệ số bảo toàn vốn của công ty = 1 cho thấy công ty vẫn bảo toàn vốn chủ sở hữu.

Tỷ suất lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu đạt 3,28% kế hoạch cho thấy công ty chưa đạt kế hoạch năm.

Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản đạt 3,18% kế hoạch cho thấy công ty chưa đạt kế hoạch đề ra.

### III- KIẾN NGHỊ:

- Ban kiểm soát đề nghị thực hiện nước rút quý 4/2021 như kế hoạch nhằm bù vào các khoản chi phí cho sản xuất 3 tại chỗ quý 3..

- Xây dựng kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh quý 4 phù hợp với tình hình dịch covid 19 hiện tại.

- Tiếp tục thực hiện phương án tái cơ cấu dài hạn theo Nghị quyết HĐQT quý 2 đề ra.

### IV. Kế hoạch hoạt động của BKS quý 4/2021

- Thẩm định báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2021;
- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD Quý 4/2021;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của chi nhánh Hà nội 9 tháng đầu năm 2021

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát quý III năm 2021, kính gửi Hội đồng Quản trị xem xét.

Trân trọng!

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BTGD;
- Lưu BKS.



**VÕ TRẦN THÚY TÂM**